

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2025 /HSST
Ngày 19/6/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đinh Thị Ngọc Lan, phó Bí thư đoàn TNCS HCM Huyện Y
- Ông Nguyễn Hà Giang, phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã Khánh Hội.

-Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Y - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y - tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Phạm Việt Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2025/HSST ngày 23 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HS ngày 06/6/2025 đối với bị cáo:

Phạm Hồng T, sinh ngày 19/11/2008 (tại thời điểm phạm tội bị cáo 16 tuổi 1 tháng 05 ngày), Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Thế C và bà Lê Thanh D. Vợ, con: chưa có ; Tiền án, tiền sự: Không

Lịch sử bản thân:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03 ngày 16/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt cảnh cáo Phạm Hồng T về hành vi “ Trộm cắp tài sản”.

- Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường thị trấn số 59 ngày 17/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đối với Phạm Hồng T trong thời hạn 06 tháng. Ngày 23/11/2023 T chấp hành xong.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07 ngày 01/3/2024 của Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt cảnh cáo Phạm Hồng T về hành vi “ Sản xuất hàng cấm”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 26/02/2025 đến ngày 19/5/2025. Đến ngày 20/5/2025 bị tạm giữ trong vụ án khác, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N theo Lệnh tạm giam số 771/LTG-CSHS ngày 29/5/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N (Quyết định khởi tố bị can số 234/QĐ-CSHS ngày 29/5/2025). Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Phạm Thế C, sinh năm 1987 (bố đẻ bị cáo); địa chỉ xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị M là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N. Có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1967; địa chỉ xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Phạm Thế C, sinh năm 1987; địa chỉ xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- Chị Phạm Thị B, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn G, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

-Cháu Phạm Hồng T1, sinh ngày 22/02/2010; địa chỉ: xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Hồng T1: Ông Phạm Hồng T2, sinh năm 1953 (ông nội cháu T1); địa chỉ: xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- Cháu Nguyễn Nhất P, sinh ngày 16/02/2010; địa chỉ: xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Nhất P: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hồng T cùng với Phạm Hồng T1 sinh ngày 22/02/2010, Nguyễn Nhất P sinh ngày 16/05/2010 đều trú tại xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình có mối quan hệ quen biết nhau. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 26/12/2024, T điều khiển xe mô tô 35H1-9845 chở T1 và P đến khu vực nhà văn hóa xóm H, xã K. Tại đây, T nói với T1 và P về việc phát hiện nhà bà Nguyễn Thị C1 sinh năm 1967, trú tại xóm H, xã K,

huyện Y, tỉnh Ninh Bình khóa cổng, không có ai trông coi, rồi rủ T1 và P cùng đột nhập vào nhà bà C1 để trộm cắp tài sản, cả hai đồng ý. Sau khi đến gần nhà bà C1, T cầm theo kim điện lấy ở cốp xe mô tô, giấu xe mô tô ở mé ruộng phía sau nhà, rồi cùng T1 trèo tường vào trong, còn P đứng ngoài canh giới. Khi vào trong sân, T và T1 thấy các cửa nhà bị khóa, nhưng phát hiện có lối lên mái nhà qua cầu thang ngoài trời. Tính kiêu T trèo lên mái nhà, T mở cửa mái để đi vào trong nhà, mở chốt cửa cho T1 vào và gọi P trèo vào theo. Khi vào trong nhà, cả ba phát hiện một két sắt cạnh giường ngủ và thấy chìa khóa két để trong túi nylon treo trên tường gần đó. T, T1, P kéo két sắt ra giữa phòng ngủ, dùng chìa khóa cắm vào ổ két sắt nhưng không mở được do không biết mật khẩu. Cả ba đã chia nhau đi tìm đồ trong nhà để phá két và tìm được ở nhà bà C1 02 chiếc dao bằng kim loại, 02 búa đập và 01 chiếc đục bằng kim loại, T dùng dao, đục, búa phá ổ khóa và cửa két sắt nhưng không được. T tiếp tục dùng dao, đục kê vào thân két sắt phía hông bên phải còn T1 và P dùng búa đập làm rách lớp vỏ két sắt. Lúc này, P đi ra ngoài lấy 01 chiếc kim chết trong cốp xe mô tô mang vào, cả ba tiếp tục dùng dao đục kê vào thân két sắt dùng búa đập để mở rộng vết rách trên két sắt, dùng kim để kéo rộng lớp vỏ, khi phá được 02 lớp vỏ két sắt tạo lỗ hổng với kích thước (26x16)cm thì P dùng tay thò vào trong để lấy hết các đồ vật, tài sản ra bên ngoài kiểm tra phát hiện: 01 phong bao lì xì màu đỏ bên trong có 07 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng tổng số tiền là 3.500.000 đồng; một sấp tiền gồm các mệnh giá 1.000 đồng, 2.000 đồng và 5.000 đồng tổng số tiền là 56.000 đồng; 01 hộp nhựa màu đỏ bên trong có 01 nhẫn vàng một chỉ loại 9999 và các giấy tờ nhà đất. T cầm số tiền 3.500.000 đồng, T1 cầm số tiền 56.000 đồng còn P cầm chiếc nhẫn màu vàng đi ra khỏi nhà bà C1 theo lối cũ. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở P và T1 đi đến khu vực đường đê thuộc xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. T và T1 nhận lại chiếc nhẫn vàng của Phong cầm rồi để P ở lại còn T và T1 đi đến cửa hàng V tại thôn A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để bán. Tại đây, T và T1 gặp chị Phạm Thị B, sinh năm 1983, trú tại thôn G, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là chủ cửa hàng. T1 nói với chị B là bố T1 đưa nhẫn để đi bán. Chị B tin tưởng nên đã nhận chiếc nhẫn vàng của T và T1 kiểm tra xác định là nhẫn vàng 01 chỉ, loại vàng 9999. Chị B đồng ý mua chiếc nhẫn vàng này với giá 8.000.000 đồng, T và P đồng ý và nhận đủ số tiền từ chị B. Sau đó T và T1 quay lại đón P rồi cả ba đi tiêu chung hết số tiền trộm cắp được. Đến ngày 08/01/2025, bà Nguyễn Thị C1 đi chơi tại thành phố Hà Nội về nhà thì phát hiện bị mất trộm tài sản và nghi ngờ Phạm Hồng T là người trộm cắp tài sản của mình nên đã đến Công an xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình trình báo. Công an xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã triệu tập T lên làm việc, T đã xin đầu thú hành vi phạm tội của mình. Thu giữ tại nhà bà C1: 01 búa dài 29,5cm có cán và đầu bằng kim loại; 01 búa dài 33 cm có cán bằng gỗ và đầu bằng kim loại; 01 dao dài 40cm, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ màu nâu, loại 01 lưỡi, mũi vuông;

01 dao dài 37,5cm, lưỡi và cán dao bằng kim loại, màu đen, loại 01 lưỡi, mũi vuông; 01 đục bằng kim loại, dài 28cm, có đường kính là 02cm, lưỡi đục dạng dẹp có kích thước(02x04)cm; 01 kết sắt màu xanh, nhãn hiệu Việt Tiệp, bộ phận khóa cơ mở kết có vết cạy phá và hư hỏng, kết có cắm chìa khóa bằng kim loại nhưng không mở được, cánh cửa kết phía dưới có vết rách kim loại kích thước (21x05)cm, thân phải kết có 02 lớp vỏ bằng kim loại bị cắt, thùng để lộ ra khoảng trống nhìn vào bên trong kết kích thước (26x16)cm. Tuân tự nguyên giao nộp: 01 kim chết bằng kim loại sáng màu kích thước (21,5x5,5)cm; 01 kim điện kích thước (20x5)cm có chuôi bọc nhựa màu xanh cam; 01 xe mô tô biển kiểm soát 35H1-9845.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 14/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản vi phạm trong lĩnh vực Tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: nhãn vàng 01 chỉ loại 9999 trị giá 8.266.700 đồng; giá trị thiệt hại của 01 kết sắt màu xanh, nhãn hiệu Việt Tiệp là 500.000 đồng.

Như vậy tổng giá trị tài sản Phạm Hồng T trộm cắp của bà Nguyễn Thị C1 là 11.822.700 đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Hồng T đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra, gia đình Phạm Hồng T đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền 11.822.700 đồng. Bà C1 đã nhận số tiền trên, không có yêu cầu gì khác và viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Về vật chứng: Đối với nhãn vàng 01 chỉ loại 9999 mà chị B mua của T và T1, quá trình điều tra xác định chị B đã mang đi nung chảy số vàng trên nên không thu giữ được. Các vật chứng gồm: 01 búa dài 29,5cm có cán và đầu bằng kim loại; 01 búa dài 33 cm có cán bằng gỗ và đầu bằng kim loại; 01 dao dài 40cm, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ màu nâu, loại 01 lưỡi, mũi vuông; 01 dao dài 37,5cm, lưỡi và cán dao bằng kim loại, màu đen, loại 01 lưỡi, mũi vuông; 01 đục bằng kim loại, dài 28cm, có đường kính là 02cm, lưỡi đục dạng dẹp có kích thước(02x04)cm; 01 kết sắt màu xanh, nhãn hiệu Việt Tiệp đã bị hư hỏng là tài sản của bà Nguyễn Thị C1, do không còn giá trị sử dụng nên bà C1 không nhận lại và đề nghị tiêu hủy. Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 35H1-9845, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Phạm Thế C sinh năm 1987 trú tại xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (là bố đẻ của T), ngày 26/12/2024 anh C để xe mô tô ở nhà và không biết việc T tự ý lấy xe mô tô trên sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Đối với 01 kim chết bằng kim loại sáng màu kích thước (21,5x5,5)cm; 01 kim điện kích thước (20x5)cm có chuôi bọc nhựa màu xanh cam mà T sử dụng để trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định 02 chiếc kim này là do T nhặt được. Tất cả số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình để giải quyết cùng vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 23/5/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố bị cáo Phạm Hồng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Hồng T phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 119; Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 ngày 30/11/2024 xử phạt bị cáo Phạm Hồng T từ 04 đến 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy các đồ vật đã thu giữ gồm kim, búa; dao; đục; kết sắt hỏng; trả lại cho cho ông Phạm Thế C 01 xe mô biển kiểm soát 35H1- 9845; Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo trình bày: Đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát huyện Y đã truy tố đối với bị cáo Phạm Hồng T và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Người bào chữa của bị cáo trình bày: Đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát huyện Y đã truy tố đối với bị cáo Phạm Hồng T và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 119; Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 ngày 30/11/2024 đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Hồng T hình phạt thấp nhất theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội:

Khoảng 14 giờ ngày 26/12/2024, tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, lợi dụng sơ hở nhà bà Nguyễn Thị C1 đi vắng, có lối lên mái nhà qua cầu thang ngoài trời để vào nhà, Phạm Hồng T đã cùng với Phạm Hồng T1 và Nguyễn Nhất P (T1 và P đều sinh năm 2010) trèo vào trong nhà lục lọi tìm tài sản, cạy phá kết sắt và đã chiếm đoạt số tiền 3.556.000 đồng và 01 nhẫn vàng 9999 trị giá 8.266.700 đồng

trong kết sắt của bà Nguyễn Thị C1 mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 11.822.700 đồng.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường; kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Hồng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố là đúng người đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được luật Hình sự bảo vệ, gây mất trật tự an toàn cho xã hội. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Về lịch sử bản thân, bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị áp dụng Biện pháp giáo dục tại xã phường thời hạn 06 tháng; ngày 01/3/2024 bị C2 huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi “ Sản xuất hàng cấm” nhưng không lấy đó làm bài học; trong thời gian đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú thì bị cáo tiếp tục đi chiếm đoạt tài sản trong vụ án khác nên đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N bắt giữ và tạm giam cho đến nay do vậy với hành vi phạm tội lần này của bị cáo cần phải bị xử phạt hình phạt tù cách ly bị cáo với xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt xét thấy bị cáo khi phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng các quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội; Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo đã nói với gia đình để gia đình bồi thường thiệt hại là tự nguyện bồi thường thiệt hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn có xác nhận của Chính quyền địa phương để quyết định mức hình phạt tù phù hợp để bị cáo có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho xã hội và cũng nhằm để giáo dục pháp luật và phòng ngừa chung.

[2]. *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại là bà Nguyễn Thị C1 đã được gia đình bị cáo T bồi thường số tiền 11.822.700 đồng và không có yêu cầu đề nghị gì nữa; Giữa bị cáo T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không đặt ra vấn đề liên đới bồi thường nên vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về xử lý vật chứng:

Đối với các đồ vật gồm kim, búa, dao, đục mà bị cáo sử dụng để đục phá kết sắt; 01 kết sắt đã hỏng do các đồ vật này đã cũ không có nhu cầu sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 35H1-9845, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Phạm Thế C (là bố đẻ của bị cáo T), ngày 26/12/2024 anh C để xe mô tô ở nhà và không biết việc T tự ý lấy xe mô tô trên sử dụng để đi trộm cắp tài sản nên anh C không biết nên cần trả lại chiếc xe mô tô nói trên cho anh Phạm Thế C.

[4]. *Các vấn đề khác*:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với Phạm Hồng T1 và Nguyễn Nhất P đã đồng phạm với Phạm Hồng T trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị C1 có tổng trị giá là 11.822.700 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bản thân T1 và P đều chưa đủ 16 tuổi nên hành vi của T1 và P không cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên hành vi trên của T1 và P đã vi phạm Điểm a, Khoản 1, Điều 15, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ra quyết định xử phạt hành chính đối với T1 và P; Đối với hành vi phá hỏng 01 kết sắt màu xanh, nhãn hiệu Việt Tiệp của nhà bà Nguyễn Thị C1 với tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 500.000 đồng. Bản thân Phạm Hồng T, Phạm Hồng T1 và Nguyễn Nhất P chưa bị kết án về tội “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”, chưa bị xử phạt hành chính về hành vi này, ngoài ra T1 và P đều chưa đủ 16 tuổi nên hành vi nêu trên của T, T1 và P không cấu thành tội “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tuy nhiên hành vi trên của T, T1 và P đã vi phạm điểm a, Khoản 2, Điều 15, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công

an tỉnh N đã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ra quyết định xử phạt hình chính cảnh cáo đối với T, T1 và P. Đối với hành vi điều khiển xe mô tô khi chưa đủ tuổi theo quy định và chở quá số người quy định của Phạm Hồng T đã vi phạm Điểm 1, Khoản 2, Điều 6 và Điểm a, Khoản 4, Điều 21, Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ra quyết định xử phạt hình chính đối với T. Ngày 26/4/2025 Chủ tịch UBND xã K đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính hình thức Cảnh cáo đối với T, T1, P về các hành vi vi phạm nói trên.

Đối với chị Phạm Thị B là người mua 01 nhẫn vàng của T và T1 mang đến bán. Chị B không biết đây là tài sản do T và T1 trộm cắp mà có do đó không vi phạm.

Đối với anh Phạm Thế C (bố của T) là chủ sở hữu của xe mô tô biển kiểm soát 35H1-9845. Ngày 26/12/2024 anh C để xe mô tô ở nhà, T tự ý lấy xe mô tô đi, anh C không biết T sử dụng chiếc xe này để đi trộm cắp tài sản do đó không vi phạm.

Án phí: Bị cáo bị xử có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa của bị cáo; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 119; Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 ngày 30/11/2024; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hồng T phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”

Xử phạt Phạm Hồng T 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

-Tịch thu tiêu huỷ các đồ vật kim, búa, dao, đục, kết sắt.

- Trả lại cho anh Phạm Thế C 01 xe mô tô biển kiểm soát 35H1-9845 nhãn hiệu Honda Wave, màu xám đen, số khung RLHHC 12109Y074250, số máy HC12E1275158, xe cũ đã qua sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm số lượng theo như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/6/2025 giữa Công an tỉnh N và chi cục Thi hành án dân sự huyện Y).

3. Về án phí HSST: Bị cáo Phạm Hồng T phải nộp 200.000 đồng. (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Công an tỉnh Ninh Bình
- Trại tạm giam CA tỉnh Ninh Bình
- Chi cục THA. DS huyện Y
- Bị cáo, người đại diện HP.
- Người bào chữa
- Người bị hại.,
- Người QLNVLQ đến vụ án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy